

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2022
*Về việc tranh chấp về ly hôn
và nuôi con.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nước

Ông Phạm Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22-3-2022, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1971, địa chỉ ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1972, địa chỉ Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 26-11-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, bà Bùi Thị Thu T trình bày:* Do quen biết với nhau nên bà và ông Lâm Văn Q tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999. Đến ngày 12-10-2000 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hữu. Sau kết hôn vợ chồng bà sống tại ấp 10, xã Long Hữu (nay Khóm 1, Phường 2). Vợ chồng bà sống bằng nghề làm thuê, cụ thể chồng bà làm nghề lái xà lan, bà phụ bếp, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp với nhau, không tin tưởng lẫn

nhau và bất đồng quan điểm trong công việc. Vợ chồng bà đã ly thân gần 10 năm nhưng chưa đoàn tụ. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn Q.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Phước L sinh ngày 24-8-2000 và Lâm Phước T sinh ngày 06-02-2006. Con tên Lâm Phước L đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết, đối với con tên Lâm Phước T bà yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-3-2022, ông Lâm Văn Q trình bày:* Do quen biết với nhau nên ông và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999. Đến 2000 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hữu. Sau kết hôn vợ chồng sống tại ấp 10, xã Long Hữu. Ông sống bằng nghề lái xà lan, vợ ông sống bằng nghề phụ bếp, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bị tai nạn nên vợ ông bỏ nhà đi đến nay. Hiện nay ông không còn tình cảm vợ chồng với bà T, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Phước L sinh ngày 24-8-2000 và Lâm Phước T sinh ngày 06-02-2006. Con tên Lâm Phước L đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết, ông yêu cầu được nuôi con tên Lâm Phước T và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Q cho rằng năm 2013, lúc bà T bỏ nhà đi thì bà T có đem tiền trong gia đình đi theo 200.000.000 đồng, nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ hay người làm chứng chứng minh bà T đem theo tiền. Nay ông yêu cầu bà T trả lại số tiền 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Ông Q khai không có và không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Xác minh thu thập chứng cứ, lấy lời khai đúng quy định. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thời gian luật định.

Về nội dung vụ án: Ông Q bà T quen biết với nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1999. Năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hữu, hôn nhân ông Q bà T là hợp pháp. Sau kết hôn ông Q bà T sống tại ấp 10, xã Long Hữu. Ông Q sống bằng nghề tài công xà lan, bà T sống bằng nghề phụ bếp, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q bị tai nạn nên tình cảm vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến bà T bỏ nhà đi đến nay chưa đoàn tụ. Tại biên bản lấy lời khai ngày

01-3-2022, ông Q trình bày không còn tình cảm vợ chồng với bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Ông Q và bà T có 02 con chung tên Lâm Phước L sinh ngày 24-8-2000 và Lâm Phước T sinh ngày 06-02-2006. Con tên Lâm Phước L đã trên 18 tuổi nên không xem xét. Đối với con tên Lâm Phước T có nguyện vọng sống cùng ông Q nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con tên Lâm Phước T cho ông Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con tên Lâm Phước T nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Q bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q bà T khai không có và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn Q, yêu cầu giải quyết người nuôi con theo nguyện vọng của con. Xét đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, do ông Lâm Văn Q có nơi cư trú tại ấp Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại Điều 35 và điểm a Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông Q hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa do ông Q vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ly hôn ông Q. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Q bà T quen biết với nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hữu vào năm 2000. Sau kết hôn ông Q bà T sống tại ấp 10, xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh). Ông Q sống bằng nghề tài công lái xà lan, bà T sống bằng nghề phụ bếp, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q bị tai nạn mất 01 chân nên vợ chồng khó khăn về kinh tế, thường xuyên cự cãi dẫn đến bà T bỏ nhà đi đến nay. Ông Q bà T ly thân từ năm 2013 đến nay, trong quá trình ly thân ông Q bà T có liên lạc với nhau nhưng không hàn gắn đoàn tụ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-3-2022, ông Q thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với bà T. Từ phân tích trên cho thấy tình cảm vợ chồng ông Q bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Q và bà T có 02 con chung tên Lâm Phước L sinh ngày 24-8-2000 và Lâm Phước T sinh ngày 06-02-2006. Con tên Lâm Phước L đã trên 18 tuổi, ông Q bà T không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với con tên Lâm Phước T, Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi bà T bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay cháu Thọ đều sống cùng ông Q và tại bản tự khai ngày 18-3-2022 cháu Thọ có nguyện vọng sống cùng ông Q, đồng thời ông Q có lời trình bày được nuôi cháu Thọ. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Thọ cho ông Q nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho ông Q biết, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng do ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con tên Lâm Phước T nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung bà T không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q cho rằng năm 2013 bà T bỏ nhà đi có đem theo số tiền chung của vợ chồng 200.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà T trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Q yêu cầu bà T trả lại số tiền 200.000.000 đồng, nhưng ông Q không có cung cấp tài liệu chứng cứ, người làm chứng chứng minh bà T bỏ nhà đi có đem theo số tiền 200.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Q hợp lệ, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án Tòa án đã ấn định thời gian cho ông Q thực hiện quyền yêu cầu phản tố chia tài sản chung là 15 ngày theo quy định tại Điều 199 và Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời Tòa án đã giải thích hướng dẫn ông Q làm đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung (bút lục 16) nhưng ông Q không thực hiện quyền nộp đơn yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ý kiến của ông Q yêu cầu bà T trả số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông Q bà T cùng trình bày không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 199, 200, 227, 228, 264 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thu T. Cho bà Bùi Thị Thu T ly hôn ông Lâm Văn Q

2. Giao cho ông Lâm Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lâm Phước T sinh ngày 06-02-2006.

Ông Lâm Văn Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Bùi Thị Thu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chưa thành niên và có yêu cầu của các bên thì Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm Văn Q không yêu cầu bà Bùi Thị Thu T cấp dưỡng nuôi con tên Lâm Phước T nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Thu T và ông Lâm Văn Q không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Bùi Thị Thu T và ông Lâm Văn Q khai không có và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006397 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Bà Bùi Thị Thu T đã nộp xong án phí.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Long Huru;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Trung